

Thứ hai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/5/2020		•	
Tuần 18/5-22/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Khởi đầu tuần giao dịch, VN-Index có một phiên giao dịch khá tích cực. Thị trường mở cửa với nhịp điều chỉnh nhẹ rồi đảo chiều tăng điểm vào gần cuối phiên sáng. Đà tăng điểm kéo dài và tăng dần theo thời gian với sự đóng góp chủ yếu đến từ các nhóm cổ phiếu VN30 (VCB, GAS) và ngành Thép (HPG, HSG và NKG). Khối ngoại quay đầu bán ròng trở lại trên cả hai sàn HSX và HNX. Tuy độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực nhưng thanh khoản thị trường tiếp tục suy giảm so với phiên trước. Hiện tượng này cho thấy dòng tiền hoạt động trên thị trường đang suy yếu dần. BSC khuyến nghị có thể thực hiện các hoạt động giao dịch ngắn hạn và tập trung ở những cổ phiếu cơ bản tốt có thanh khoản cao khi VN-Index vẫn nằm trong xu hướng tích lũy.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 765 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/05/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Tăng trưởng - định giá hấp dẫn_3.1

Phân tích kỹ thuật: HPG_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +9.98 điểm, đóng cửa 837.01. HNX-Index -0.48 điểm, đóng cửa 108.54.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (+2.65); GAS (+1.42); HPG (+1.26); VPB (+0.88); CTG (+0.48).
- Kéo chỉ số giảm: BID (-0.48); VNM (-0.20); MSN (-0.09); CTG (-0.06); PLX (-0.05).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,848 tỷ đồng, giảm -11.1% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 14.53 điểm, gần như không đổi so với phiên trước. Thị trường có 177 mã tăng, 70 mã tham chiếu và 134 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: 89.61 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (37.53 tỷ), BID (26.73 tỷ) và CTG (17.84 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -6.43 tỷ đồng.

VN-INDEX 834.60

Giá trị: 3848.82 tỷ

7.57 (0.92%)

Khối ngoại (ròng): 104.88 tỷ

HNX-INDEX 108.54

Giá trị: 459.71 tỷ

-0.48 (-0.44%)

Khối ngoại (ròng): -12.91 tỷ

UPCOM-INDEX 53.28

Giá trị: 0.45 tỷ

0.13 (0.24%)

Khối ngoại (ròng): -13.22 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	31.1	5.50%
Giá vàng	1,762	1.08%
Tỷ giá USD/VND	23,340	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,288	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	21,777	-0.13%
LS liên NH 1 tháng	2.0%	3.26%
LS TPCP 5 năm	2.1%	0.52%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	61.3	VHM	37.5
FUEVFVND	43.1	BID	26.7
VCB	40.9	CTG	17.8
PLX	11.0	MSN	16.4
HPG	8.6	HDC	14.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Tăng trưởng - định giá hấp dẫn_3.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	3.1%	3.1%	12.7%	39.7%	-10.8%	-10.8%	21.2%
Stay-at-home	2.7%	2.7%	5.6%	36.6%	-0.9%	-0.9%	17.0%
Vật liệu Xây dựng	2.2%	2.2%	6.8%	38.2%	-6.4%	-6.4%	20.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.1%	2.1%	12.9%	31.1%	-9.2%	-9.2%	21.5%
Lãi suất giảm	2.1%	2.1%	8.6%	39.9%	-7.7%	-7.7%	19.2%
Hàng tiêu dùng	1.9%	1.9%	8.1%	44.7%	-6.7%	-6.7%	19.4%
VN FinSelect	1.9%	1.9%	13.7%	30.9%	-8.4%	-8.4%	20.0%
Ngân Hàng	1.8%	1.8%	11.1%	27.8%	-8.1%	-8.1%	23.4%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.7%	1.7%	-2.4%	-2.4%	-2.4%	-2.4%	25.3%
Dầu khí	1.6%	1.6%	10.7%	41.9%	-23.3%	-23.3%	25.2%
VN Diamond	1.6%	1.6%	11.1%	34.6%	-11.3%	-11.3%	19.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.6%	1.6%	10.7%	29.7%	-14.4%	-14.4%	16.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.5%	1.5%	8.0%	29.2%	-10.9%	-10.9%	17.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.1%	1.1%	9.6%	32.9%	-11.6%	-11.6%	19.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.0%	1.0%	9.0%	25.8%	-11.6%	-11.6%	15.8%
FTSE Việt Nam	1.0%	1.0%	9.2%	23.3%	-11.8%	-11.8%	16.8%
Corona Avengers	1.0%	1.0%	8.3%	44.4%	-4.9%	-4.9%	22.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.9%	0.9%	8.2%	35.4%	-8.2%	-8.2%	22.8%
Nước & Năng lượng	0.8%	0.8%	3.8%	26.0%	-10.6%	-10.6%	16.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.7%	0.7%	5.4%	29.4%	0.6%	0.6%	15.6%
Chiến tranh thương mại	0.5%	0.5%	5.7%	38.2%	-12.5%	-12.5%	18.1%
Xây dựng	0.3%	0.3%	8.0%	34.3%	-7.9%	-7.9%	19.3%
BĐS & Khu công nghiệp	0.1%	0.1%	4.6%	22.3%	-15.2%	-15.2%	17.8%
Ngành Dược	0.0%	0.0%	1.7%	17.6%	-5.9%	-5.9%	18.3%
Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	2.2%	2.2%	10.8%	44.0%	-15.5%	-15.5%	22.2%
M22	2.0%	2.0%	11.1%	33.9%	-5.9%	-5.9%	18.8%
M31	1.7%	1.7%	7.5%	28.8%	-12.0%	-12.0%	20.9%
S21	1.6%	1.6%	7.6%	32.2%	-10.5%	-10.5%	19.9%
L22	1.4%	1.4%	7.7%	36.9%	-10.2%	-10.2%	19.6%
M12	1.3%	1.3%	10.3%	28.2%	-8.5%	-8.5%	19.9%
L32	0.6%	0.6%	8.9%	42.6%	-13.6%	-13.6%	20.9%
L11	0.5%	0.5%	6.2%	27.1%	-11.9%	-11.9%	17.2%
S11	0.5%	0.5%	7.7%	24.2%	-5.0%	-5.0%	18.8%
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.7%	1.7%	5.7%	33.5%	-4.9%	-4.9%	18.9%
MID1	1.0%	1.0%	8.2%	35.0%	-2.8%	-2.8%	17.4%
LOW1	0.7%	0.7%	7.7%	23.5%	-8.9%	-8.9%	17.0%
INDEX							
VNINDEX	1.2%	1.2%	8.8%	26.3%	-12.9%	-12.9%	16.8%
VN30INDEX	1.7%	1.7%	10.1%	28.9%	-10.4%	-10.4%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	13	11	13	11	10	14
Mục tiêu	9	6	3	6	3	4	5
Rủi ro	3	1	2	1	2	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

HPG_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, tiếp cận vùng mua quá.

Nhận định: Xu hướng tăng của HPG tiếp tục củng cố khi cổ phiếu đã phá được ngưỡng kháng cự dài hạn 24. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Đường MA20 cũng cắt lên đường MA200 tiếp tục củng cố tín hiệu tăng giá. HPG nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 32 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại vùng giá 25-26, chốt lãi tại vùng giá 31-32 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 24.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 18/5

*Mặt hàng	ĐVT	Chiều 18/5	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	31.12	5.74%	28.90%	21.90%	-48.27%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	33.89	4.28%	14.40%	7.40%	-47.44%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	100.92	4.02%	9.20%	33.30%	-46.96%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1764.73	1.21%	3.90%	2.70%	36.94%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.32	4.24%	11.80%	11.70%	19.20%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	844.50	0.72%	-1.20%	-0.10%	-5.11%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	498.25	-0.40%	-3.70%	-6.10%	-1.04%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.75	-0.59%	16.10%	38.30%	0.96%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	141.23	-0.96%	-0.50%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.63	2.41%	5.00%	2.90%	-19.59%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	106.85	0.14%	-4.30%	-11.80%	1.57%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5181.50	-0.39%	-1.80%	0.40%	-14.44%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	493.74	1.55%	1.50%	2.80%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1462.00	-0.88%	-1.50%	-2.80%	-20.41%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	96.44	4.41%	8.30%	13.40%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	54.30	-2.69%	1.90%	-5.60%	-34.77%	HLC, NBC	HT1, BCC

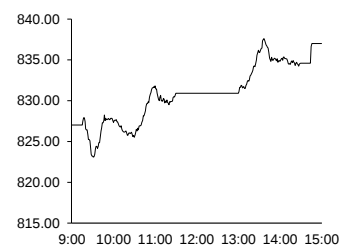
Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 7 tăng 1.39 USD (4.28%) lên 33.89 USD/thùng, trong khi dầu WTI dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 6 tăng 1.69 USD (5.74%) lên 31.12 USD/thùng.
- Vàng giao ngay tăng 1.21% lên 1,764.73 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2020 tăng 0.76% lên 1,769.60 USD/ounce.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 4.4% lên 96.44 USD/tấn. Thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 1.5% lên 493.74 USD/tấn.
- Giá cao su kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn TOCOM giảm -1.0% xuống 1.41 USD/kg.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7/2020 tăng 0.1% đạt 1.07 USD/lb.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7 trên sàn New York tăng 2.4% lên 0.11 USD/lb

Hình 1

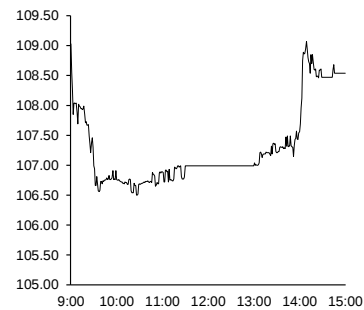
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

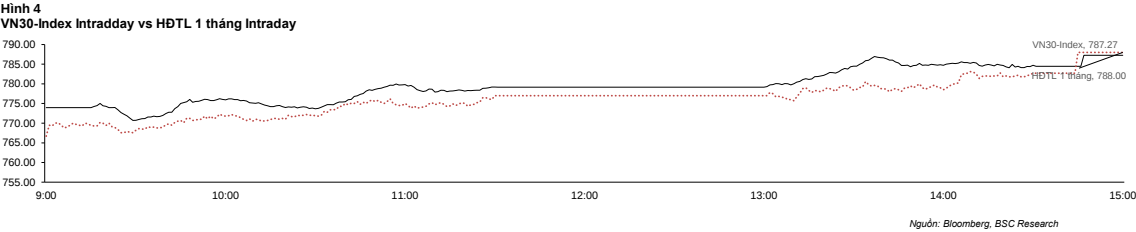
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	-2.98%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.21%
Dầu khí	-1.94%
Tài nguyên Cơ bản	-1.81%
Hóa chất	-1.76%
Ngân hàng	-1.22%
Công nghệ Thông tin	-1.22%
Thực phẩm và đồ uống	-1.21%
Dịch vụ tài chính	-1.01%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.01%
Bán lẻ	-0.98%
Xây dựng và Vật liệu	-0.76%
Ô tô và phụ tùng	-0.57%
Du lịch và Giải trí	-0.46%
Truyền thông	-0.29%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.23%
Y tế	-0.15%
Viễn thông	0.00%
Bất động sản	0.68%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2005	782.70	2.09%	-1.76	-17.7%	152,812	5/21/2020	5
VN30F2006	771.00	2.66%	-13.46	47.8%	3,218	6/18/2020	33
VN30F2009	753.50	1.78%	-30.96	115.2%	198	9/17/2020	124
VN30F2012	753.30	1.51%	-31.16	22.0%	72	12/17/2020	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh 13.32 điểm lên mức 787.27 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VPB, VCB, MWG, và TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giảm nhẹ đầu phiên sáng xuống gần 770 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch tăng tích cực lên trên 785 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 770-785 điểm trong những phiên tiếp theo.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2005 và VN30F2009 đều tăng, trong khi VN30F2006 và VN30F2012 đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 765 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2001	HSC	6/30/2020	43	2:1	138,050	6.9%	5.0 triệu	32.53%	1,800	1,630	94.05%	933.80	1.75
CHPG2004	SSI	6/15/2020	28	1:1	495,540	75.5%	5.0 triệu	32.53%	2,800	2,220	76.19%	1,995.60	1.11
CDPM2002	KIS	12/16/2020	212	1:1	50,520	-15.1%	2.0 triệu	38.36%	1,700	2,110	36.13%	1,152.20	1.83
CVPB2001	HSC	6/22/2020	35	2:1	451,210	147.5%	5.0 triệu	38.15%	1,500	2,510	33.51%	2,617.20	0.96
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	65	1:1	182,110	279.0%	1.5 triệu	38.15%	2,200	3,000	31.00%	3,791.10	0.79
CTCB2001	HSC	6/22/2020	35	2:1	532,190	84.1%	5.0 triệu	32.81%	1,700	260	30.00%	104.50	2.49
CHPG2002	KIS	12/16/2020	212	2:1	501,360	475.2%	3.0 triệu	29.28%	1,700	1,410	28.18%	614.50	2.29
CHPG2006	KIS	9/16/2020	121	2:1	50,370	4838.2%	4.0 triệu	32.53%	1,500	2,780	23.01%	2,015.70	1.38
CTCB1902	VND	6/5/2020	18	1:1	138,940	151.7%	2.0 triệu	31.83%	5,300	640	10.34%	499.50	1.28
CVRE2003	KIS	12/16/2020	212	2:1	183,960	-34.4%	3.0 triệu	0.00%	3,000	740	5.71%	180.40	4.10
CFPT2003	SSI	11/9/2020	175	1:1	135,840	275.2%	2.0 triệu	38.36%	7,300	11,850	-0.67%	9,560.50	1.24
CFPT2004	SSI	8/10/2020	84	1:1	44,500	76.0%	2.0 triệu	38.36%	5,100	9,300	-1.69%	7,794.60	1.19
CMBB2002	SSI	8/10/2020	84	1:1	71,500	-69.7%	3.0 triệu	32.81%	1,300	1,250	-2.34%	754.50	1.66
CFPT2005	VND	7/1/2020	44	1:1	27,310	-36.7%	1.0 triệu	35.37%	2,900	8,460	-3.42%	8,153.50	1.04
CVHM2001	KIS	12/16/2020	212	5:1	125,470	10.3%	2.0 triệu	30.06%	3,100	1,140	-4.20%	374.10	3.05
CNVL2001	KIS	12/16/2020	212	4:1	79,000	839.4%	2.0 triệu	34.63%	2,300	1,120	-4.27%	55.00	20.36
CSTB2003	KIS	9/16/2020	121	1:1	169,600	23.9%	3.0 triệu	33.01%	1,360	1,070	-4.46%	410.50	2.61
CMSN2001	KIS	12/16/2020	212	5:1	32,560	54.5%	2.0 triệu	33.39%	2,300	2,050	-7.66%	1,133.40	1.81
CFPT1908	MBS	6/17/2020	30	3:1	103,500	-50.1%	2.4 triệu	17.01%	3,150	1,330	-11.33%	1,256.20	1.06
CSTB2001	KIS	6/19/2020	32	1:1	366,230	17.2%	5.0 triệu	32.81%	1,500	280	-15.15%	83.60	3.35
Tổng:					3,879,760		59.90 triệu	31.60%**					

Chú thích:

Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 18/05/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

- Về giá, CHPG2004 và CVPB2001 tăng mạnh lần lượt là 76.98% và 39.36%. Trái lại, CDPM2001 và CFPT1908 giảm mạnh lần lượt là -15.25% và -11.33%. Giá trị giao dịch tăng 65.73%. CFPT2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 20.16% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, MBB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	25.10	6.81	3.47
VPB	25.00	4.82	2.57
VCB	78.20	2.89	1.18
MWG	85.00	3.53	1.12
TCB	20.50	1.23	0.75

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	96.2	-0.82	-0.50
STB	9.7	-0.92	-0.21
REE	31.2	-0.64	-0.04
SBT	14.7	-0.68	-0.04
ROS	3.4	-0.29	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2001	27,600	24,000	25,100
CHPG2004	26,300	23,500	25,100
CDPM2002	16,952	15,252	13,700
CVPB2001	23,000	20,000	25,000
CVPB2003	24,200	22,000	25,000
CTCB2001	26,400	23,000	20,500
CHPG2002	33,399	29,999	25,100
CHPG2006	25,022	22,022	25,100
CTCB1902	26,300	21,000	20,500
CVRE2003	43,999	37,999	24,500
CFPT2003	57,300	50,000	48,150
CFPT2004	55,100	50,000	48,150
CMBB2002	19,300	18,000	17,000
CFPT2005	51,900	49,000	48,150
CVHM2001	110,067	94,567	71,700
CNVL2001	75,088	65,888	52,600
CSTB2003	12,471	11,111	9,710
CMSN2001	77,289	65,789	62,200
CFPT1908	63,450	54,000	48,150
CSTB2001	12,499	10,999	9,710

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.0	3.5%	1.2	1,673	7.3	8,808	9.7	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.2	1.9%	1.3	619	2.0	5,248	12.0	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	48.7	0.9%	1.3	1,572	1.2	1,168	41.7	1.9	28.5%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.8	-0.3%	0.5	299	0.0	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.2	-0.8%	0.9	14,147	0.7	2,095	45.9	4.0	14.1%	10.6%
VRE	Bất động sản	24.5	1.7%	1.1	2,421	2.7	1,226	20.0	2.1	31.1%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.6	0.0%	0.8	2,217	2.7	3,584	14.7	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.2	-0.6%	0.8	421	0.6	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	10.6	-0.5%	1.4	238	1.6	2,289	4.6	0.8	39.5%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.1	0.7%	1.3	367	1.4	1,415	9.9	0.8	50.7%	7.8%
VCI	Chứng khoán	24.0	3.9%	1.0	171	0.6	4,240	5.6	1.0	30.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.6	0.8%	1.8	246	1.4	1,480	12.5	1.3	54.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.2	0.3%	0.8	1,641	3.8	4,804	10.0	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	50.4	0.2%	0.4	545	0.0	4,812	10.5	2.7	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.4	3.5%	1.4	6,108	3.2	5,820	12.6	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	45.4	2.0%	1.5	2,351	1.6	869	52.2	2.9	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	13.0	1.6%	1.6	270	2.4	1,777	7.3	0.5	12.7%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.4	-1.5%	0.8	863	0.7	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.7	-0.4%	0.5	521	0.1	5,046	18.2	3.4	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.7	0.4%	0.5	233	1.5	1,006	13.6	0.7	13.9%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.2	-1.7%	0.5	188	0.5	415	19.6	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	78.2	2.9%	1.2	12,610	3.1	4,848	16.1	3.4	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	38.7	0.3%	1.5	6,767	2.9	2,140	18.1	2.0	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	21.2	1.4%	1.2	3,432	4.3	2,510	8.4	1.0	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	25.0	4.8%	1.2	2,650	11.7	3,750	6.7	1.4	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.0	0.3%	1.1	1,782	3.3	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	21.8	0.5%	1.0	1,576	2.5	3,780	5.8	1.2	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	46.8	0.6%	0.8	166	0.3	5,303	8.8	1.5	79.3%	17.0%
NTP	Nhựa	35.0	0.0%	0.4	149	0.0	4,208	8.3	1.4	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.8	0.0%	0.6	637	0.0	356	41.6	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	25.1	6.8%	1.1	3,013	14.5	2,764	9.1	1.4	36.8%	17.4%
HSG	Thép	9.5	6.9%	1.6	183	4.8	1,491	6.3	0.7	18.0%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	110.8	0.0%	0.7	8,389	4.1	5,453	20.3	6.4	58.6%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	172.6	0.2%	0.8	4,812	0.8	6,719	25.7	6.4	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	62.2	0.2%	1.0	3,161	2.1	3,961	15.7	1.7	39.4%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.7	-0.7%	0.8	375	1.4	141	104.5	1.2	5.8%	1.4%
ACV	Vận tải	57.8	-0.2%	0.8	5,471	0.7	3,450	16.8	3.4	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	114.0	0.0%	1.1	2,596	1.8	7,110	16.0	4.0	18.7%	26.3%
HVN	Vận tải	26.8	-2.0%	1.7	1,653	1.3	1,654	16.2	2.1	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	19.3	-0.8%	0.9	249	0.2	1,583	12.2	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.9	1.4%	1.0	133	0.7	2,117	5.1	0.7	25.4%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	65.6	1.5%	1.0	443	0.7	9,201	7.1	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.3	1.5%	0.7	337	0.4	1,453	11.9	1.2	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	-1.4%	1.0	226	0.1	1,938	7.0	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	68.0	1.5%	1.2	226	0.8	8,032	8.5	0.6	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.0	-1.2%	0.4	480	0.0	1,498	16.7	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	20.6	1.5%	0.4	214	0.8	1,775	11.6	0.9	45.4%	8.5%
POW	Điện	10.1	0.5%	0.6	1,023	1.8	1,028	9.8	0.9	11.4%	9.4%
NT2	Điện	20.3	-1.0%	0.5	254	0.6	2,543	8.0	1.4	17.7%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	78.20	2.89	2.33	937480.00
GAS	73.40	3.53	1.37	1.01MLN
HPG	25.10	6.81	1.26	13.47MLN
VPB	25.00	4.82	0.81	11.01MLN
MWG	85.00	3.53	0.38	1.99MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.77	178480.00	1.11MLN
HVN	0.00	-0.22	1.15MLN	607060.00
TPB	0.00	-0.10	81910.00	373600.00
NLG	0.00	-0.08	1.06MLN	192700.00
HNG	0.00	-0.08	1.25MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	13.00	7.00	0.00	200.00
DBC	32.15	6.99	0.06	2.38MLN
ABT	33.70	6.98	0.01	50.00
TIX	29.95	6.96	0.02	10.00
HRC	38.50	6.94	0.02	1350.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LM8	17.95	-6.99	0.00	3590.00
TCR	3.10	-6.91	0.00	220.00
HTT	0.82	-6.82	0.00	285320.00
TS4	3.02	-6.79	0.00	67460.00
HTL	13.90	-6.71	0.00	110.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.80	0.46	0.16	2.66MLN
SHN	7.50	7.14	0.06	1000.00
PVS	13.00	1.56	0.05	4.31MLN
DGC	31.70	1.60	0.04	159000.00
VCS	65.60	1.55	0.03	243600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	15.00	-3.23	-0.67	5.82MLN
NVB	7.80	-1.27	-0.04	3.13MLN
ART	2.90	-9.38	-0.03	3.34MLN
TAR	28.60	-4.67	-0.03	497100.00
VCG	25.00	-1.19	-0.02	30600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

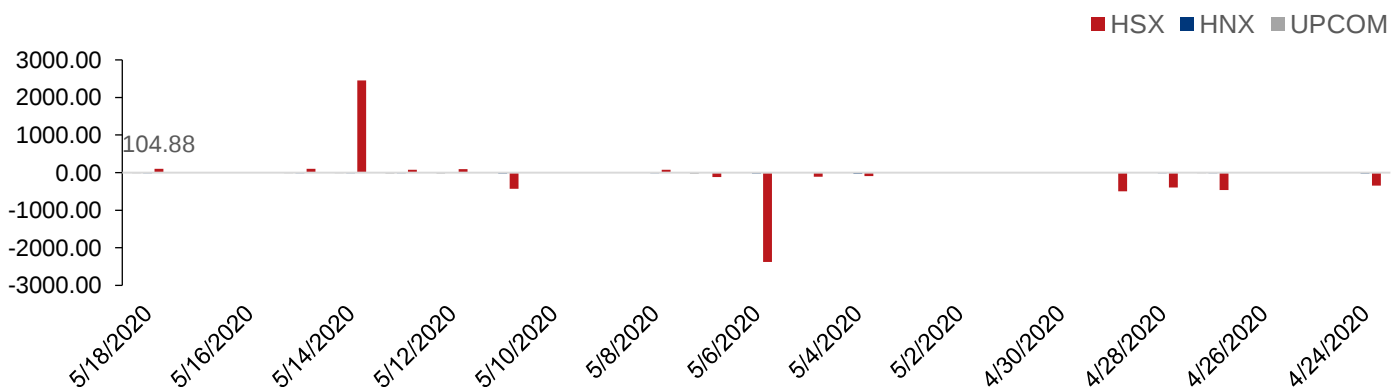
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPP	0.50	25.0	0.00	29300.00
MEC	0.60	20.0	0.00	2700.00
PVX	0.90	12.5	0.02	2.23MLN
BPC	11.00	10.0	0.00	100.00
MCO	2.20	10.0	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VXB	6.40	-9.86	0.00	5000.00
HCT	12.10	-9.70	0.00	400.00
QNC	3.80	-9.52	-0.01	100.00
CAN	20.00	-9.50	-0.01	1000.00
ART	2.90	-9.38	-0.03	3.34MLN

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
7	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
11	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
12	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.0	5,311	4.1	1.0	Click
2	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	27.9	4,465	6.2	1.2	Click
3	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	78.2	4,848	16.1	3.4	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	21.8	3,780	5.8	1.2	Click
5	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	32.3	6,553	4.9	1.2	Click
6	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	44.3	3,887	11.4	2.2	Click
7	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.2	4,804	10.0	2.2	Click
8	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.3	1,583	12.2	1.0	Click
9	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.9	1,880	6.9	0.6	Click
10	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	172.6	6,719	25.7	6.4	Click
11	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	21.8	1,782	12.2	1.5	Click
12	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	110.8	5,453	20.3	6.4	Click
13	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.4	1,781	6.9	0.7	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	85.0	8,808	9.7	2.9	Click
15	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	32.3	6,553	4.9	1.2	Click
16	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	48.2	4,804	10.0	2.2	Click
17	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	18.9	2,282	8.3	1.3	Click
18	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	91.7	5,046	18.2	3.4	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	3/1/2020	86.5	99.7	63.2	5,248	12.0	2.9	Click
20	PVT	Vận tải	Theo dõi	3/2/2002	16.8	20.2	10.9	2,117	5.1	0.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su).
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biên LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020: Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BDS dân dụng: 5 tỷ.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy).
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Với giá định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%yoy) và LNST đạt 493 tỷ (-39%yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn. Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận góp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn